



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635

TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam NGUYỄN THANH TRIỀU
Last Middle First

Current Address Đp Bình Hòa, xã Bình Đông, H. Châu Thành, Kiên Giang

Date of Birth 1929 Place of Birth Kiên Giang, S. VN.

Names of Accompanying Relatives/Dependents

Nguyễn Vũ Lâm (son - 1951) Nguyễn Thị Trúc Linh (daughter - 1971)
Nguyễn Thị Thu Hà (daughter-in-law - 1961) Nguyễn Thành Long (grandson - 1984)
Nguyễn Bảo Thái (son - 1969)

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From 05-01-1975 To 09-22-1977

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>	<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>
<u>None</u>			

Form Completed By:

Name H G D T N G T V N
F V N P P A
P O Box 5435
Address Arlington, VA 22205

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635

TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

ODP
man &
can't
thi
camp

Applicant in Vietnam NGUYỄN THANH TRIỀU
Last Middle First

Current Address Đp Bình Hòa, xã Bình Đông, H. Châu Thành, Kiên Giang

Date of Birth 1929 Place of Birth Kiên Giang, S. VN.

Names of Accompanying Relatives/Dependents

Nguyễn Văn Lâm (son - 1951) Nguyễn Thị Trúc Linh (daughter - 1971)
Nguyễn Thị Thu Hà (daughter - 1961) Nguyễn Thành Long (grandson - 1984)
Nguyễn Bảo Thu (son - 1969)

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From 05-01-1975 To 09-22-1977

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>	<u>NAME</u>	<u>RELATIONSHIP</u>
<u>None</u>			

Form Completed By:

Name H G D T N C T V N
F V N P P A
P O B o x 5 4 3 5
Address Arlington, VA 22206

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV /

Date: 24-8-1986
Ngày: 24-8-1986

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Cơ sở câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Orderly Departure Office
Paukabhum Building
127 South Sathorn Road
Bangkok 10120, Thailand

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn bản

1. Name
Họ, tên : NGUYỄN THANH TRIỂN Sex: NAM
Phái NAM
2. Other Names
Họ, tên khác : _____
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 1929 tại Bình An, Kiên Giang
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : Ấp Bình Hòa, Xã Bình An, Huyện Kiên Giang
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : như trên
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : _____

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(CHÚ-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đi
1. Nguyễn Thanh Triển	1929	Kiên Giang	Nam	Độc thân	Chủ gia đình
2. Nguyễn Văn Sơn	1951	id	Nam	Độc thân	Con
3. Nguyễn Thị Thu Hà	1959	Năm Vang	Nữ	"	Đầu
4. Nguyễn Bắc Tiến	1969	Kiên Giang	Nam	Độc thân	Con
5. Nguyễn Thị Bích Bình	1971	id	Nữ	"	Con
6. Nguyễn Thanh Sang	1984	"	Nam	"	Cháu nội
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngũ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative in the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên : _____

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : _____

c. Address
Địa-chỉ : _____

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ : _____

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, Tên : Nguyễn Thị - Chiết

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : Chị ruột

c. Address
Địa-chỉ : _____

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha : _____

2. Mother
Mẹ : _____

3. Spouse
Vợ/Chồng : Nguyễn Thanh Triều (chủ gia đình)

4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có) : _____

5. Children
Con cái:

(1)	<u>Nguyễn Văn Lâm</u>
(2)	<u>Nguyễn Thị Thu Hà</u>
(3)	<u>Nguyễn Bảo Thuận</u>
(4)	<u>Nguyễn Thị Ngọc Linh</u>
(5)	<u>Nguyễn Văn Long</u>
(6)	_____
(7)	_____
(8)	_____
(9)	_____

6. Siblings
Anh chị em:

(1)	_____
(2)	_____
(3)	_____
(4)	_____
(5)	_____
(6)	_____
(7)	_____
(8)	_____
(9)	_____

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____
Position title
Chức-vụ : _____
Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____
Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____
Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____
Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____
Position title
Chức-vụ : _____
Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____
Length of Employment From: To:
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____
Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____
Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____
Position title
Chức-vụ : _____
Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____
Length of Employment From: To:
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____
Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____
Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/Chồng đã Công-vu với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: Nguyễn Thanh - Triều
2. Dates: From: To:
Ngày, tháng, năm Từ 1956 Đến 30-4-75
3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng: Xã Trưởng Serial Number:
Số thẻ nhân-viên: _____
4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đoàn-Vị Binh-Chung : _____
5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chỉ-huy : Trung tá Nguyễn Văn Sỹ (Quân Trường
A. Hữu Chánh, Vũ Kiên Giang
Đường Văn - Ông, Trung tá Vũ Văn
Kiên Giang.

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc :

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ :

Ông HUI NOEL Ông KENT (cố vấn Dân sự Quân)
Ông GIỚI EXUM, Ông GIỚI KEY

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Việt-Nam :

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Phân-thưởng hoặc giấy khen:

Date received:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có.
Đừng sợ có không? Có ☐ Không ☐.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Hoặc Vợ/chồng ở ngoài nước

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address:

Trường và địa-chỉ nhà trường:

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

Từ:

To

Tới:

4. Description of Courses:

Mô-tả ngành học

5. Who paid for training?

Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện?

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐.)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐.)

H. Re-education of You or Your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo:

Nguyễn Thanh - Triều

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

From:

Từ:

To:

Tới:

01-5-75

22-9-77

3. Still in Reeducation?*

Yes

No

Vẫn còn học-tập cải-tạo?*

Có

Không

Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Cước chú phụ-thuộc

Signature

Ký tên:

Thanh Triều

Date

Ngày:

24 08 1986

J. Please List Here All Documents Attached to Questionnaire

Xin nêu ra tất cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

- giấy kê-tha số 167/UBND ngày 22-9-77
- giấy kê-tha số 970 ngày 30-6-84 của Ng. Vũ Lâm và Ng. Thủ Thu. H.
- giấy khai Paul số Hq ngày 25-4-85 của Ng. Thanh Long.

Số: 467/UB.Đ

Kiên Giang, ngày 24 tháng 9 năm 1977



QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Về việc tha các can phạm được cải tạo.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ vào Nghị định 24/CP, ngày 2 tháng 2 năm 1976 của Hội đồng Chính phủ ban hành bản quy định về quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm của chính quyền nhà nước cấp tỉnh

Căn cứ Thông tư số 2.326/TĐTX/76 của Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao về việc đặc xá cho phạm nhân có án tù và những người được tập trung cải tạo;

Kết đề nghị tha số 11/CA, ngày 19 tháng 9 năm 1977 của Ty Công an;

Kết quả trình học tập cải tạo của anh: *Nguyễn Văn Triệu* sinh năm 1949, cư ngụ ở *An Ninh*, xã *Biển An*, tỉnh *Thạnh Hóa* *Kiên Giang* đã được tập trung học tập cải tạo tại trại cải tạo tỉnh Kiên Giang;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Thay trả tự do và phục hồi mọi quyền công dân cho anh, chị *Nguyễn Văn Triệu* sinh năm 1949 được về gia đình làm ăn như mọi người công dân khác.

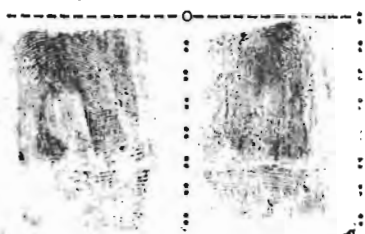
Điều 2.- Anh, chị *Nguyễn Văn Triệu* khi về địa phương phải thi hành đúng đắn mọi chủ trương chính sách của Đảng và của Chính phủ. Ra sức lao động sản xuất góp phần xây dựng Tổ quốc giàu mạnh.

Điều 3.- Các Ông: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ty Công an, Ban giám thị trại cải tạo tỉnh chiếu quyết định thi hành./-

Dấu lần tay

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Họ tên cái tay : *Gón cái tay*
mặt : *trái*



ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, Thị trấn KIÊN LƯƠNG

Thị xã, Quận HÀ TIỀN

Thành phố, Tỉnh KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu H/2/P3

GIẤY KHAI SINH

Số 49

Quyển số 0



Họ và tên

NGUYỄN THANH LONG

Nam, nữ NAM

sinh ngày
tháng, năm

Ngày hai lăm tháng giêng năm một chín tám
bốn (25 - 01 - 1984)

Nơi sinh

Ấp Ngã Ba - thị trấn Kiên Lương - Hà Tiên
KIÊN GIANG

KHAI VỀ CHA MẸ

CHA

MẸ

Họ, tên, tuổi hoặc
ngày, tháng, năm sinh

NGUYỄN VŨ LÂM
1951

NGUYỄN THỊ THU HÀ
1961

Dân tộc
Quốc tịch

KINH
VIỆT NAM

KINH
VIỆT NAM

Nghề nghiệp

Nơi ĐKNK thường trú

Công nhân
Xí nghiệp Ô tô và xe tải
KIÊN GIANG

Nội trợ
Ấp Ngã Ba - Kiên Lương
Hà Tiên - Kiên Giang

Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK
thường trú, số giấy chứng
minh hoặc CNCC của
người đứng khai

NGUYỄN THỊ THU HÀ - SN 1961 - Ấp Ngã Ba -
Thị trấn Kiên Lương - Hà Tiên - Kiên Giang
Số giấy CMND : 370353074

BAO Y BÀN CHÍNH

Kiên Lương, Ngày 25 tháng 04 năm 1985

Thị trấn KIÊN LƯƠNG

KT. CHỦ TỊCH
ỦY VIÊN THỦ KÝ



Nguyễn Văn Cui

Đang ký ngày — tháng — năm 198 —
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)



ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Xã, Phường Kiến Giang

QĐ số

Huyện, Quận Kiên Giang

Ngày

Tỉnh, Thành phố Kiên Giang

Số 070

Quyển số 02

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên Nguyễn Vũ Sơn

Nguyễn Thị Thu Hà

Bí danh

Sinh ngày tháng 20-09-1951

25-08-1961

năm hay tuổi

Dân tộc

Kinh

Kinh

Quốc tịch

Việt Nam

Việt Nam

Nghề nghiệp

Công nhân

Nhà ở

Nơi đăng ký

Kiểm tra 1-71

Ấp Ngã 3 xã

nhân khẩu

nhân khẩu

phần kiến kiến

thường trú

Kiên Giang

Số giấy chứng minh nhân dân:

hoặc hộ chiếu 370127972

370353074

Đăng ký ngày 30 tháng 06 năm 1984

Người chồng ký

Người vợ ký

TM. UBND

Kiểm tra

[Signature]

[Signature]



KT. CHỦ TỊCH
ỦY VIÊN THỦ KÝ

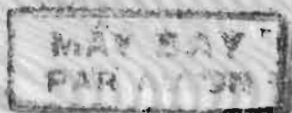
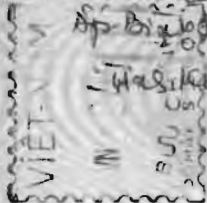
Ng. Vũ Sơn

Ng. Thị Thu Hà

Nguyễn Văn Cử

FROM:

Nguyen van Tien
Sp. B. 10 Hoa - X. B. 10 A. Huynh Chau Thanh
Hue - Quang (SOUTH VIETNAM)



OCT 23 1986



TO:

Ba Tho

P.O. Box 5735

ARLINGTON VA 22205-0635

U.S.A.

PAR AVION VIA AIR MAIL



YES

OCT 23 1986

To:

Miss KHUC MINH THU

P.O. 5435

Arlington Virginia 22205

U.S.A -

Chung sự
tâm đầu

10-29-86